

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 11 - 2021

V/v: *Không công nhận là vợ chồng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.

2. Bà Lý Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị M – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 121/2021/TLST - HNGĐ ngày 08/10/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/11/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1981; Nơi ĐKKHKT: Xóm TC, xã TV, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở hiện nay: Tiểu khu 7, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Anh M vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; Nơi ĐKKHKT: Xóm TC xã TV, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở hiện nay: Tiểu khu 7, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/10/2021, bản tự khai ngày 08/10/2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn năm 2000, trên cơ sở tự nguyện, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn hiện đã mất. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hay xúc phạm nhau, đánh nhau, không tôn trọng nhau, đến ngày 19/8/2021 chị H đánh anh M, vứt hết quần áo tư trang của anh xuống sông, do không chịu đựng được anh M đã bỏ đi nơi khác sống, hai bên ly thân từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay. Xét thấy không còn tình cảm vợ chồng

không còn, không thể chung sống được với nhau, anh M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Nguyễn Thị H;

Về con chung: Anh M khai anh M và chị H có 02 con chung là Nguyễn Thị V, sinh ngày 13/01/2004 và Nguyễn Văn Đạt sinh ngày 03/10/2012; Hiện tại chị V đã tự lập được, còn cháu Đạt đang còn nhỏ, ly hôn anh M yêu cầu Tòa án giao cháu V và cháu Đạt cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh M cấp dưỡng nuôi cháu Đạt cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M đăng ký kết hôn tại phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa khoảng tháng 9 năm 2000, chị H làm nghề chài lưới dưới sông nên đăng ký kết hôn đã mất, quá trình chung sống hai bên hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều lúc xảy ra va chạm, nhưng vợ chồng có thể cải thiện được, chị đã động viên anh M suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái, nay anh M xin ly hôn, chị H xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Chị H khai, chị H và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thị V, sinh ngày 13/01/2004 và Nguyễn Văn Đạt sinh ngày 03/10/2012; Hiện tại chị V đã gần đủ 18 tuổi, đi làm có thu nhập, còn cháu Đạt đang còn nhỏ, hiện tại sức khỏe anh M không được tốt, nếu ly hôn chị H yêu cầu Tòa án giao cháu V và cháu Đạt cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi cháu Đạt cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ: Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng, về con chung giao cháu Nguyễn Thị V và cháu Nguyễn Văn Đạt cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh M cấp dưỡng nuôi cháu Đạt cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh M và chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị H hai bên chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2000, theo anh M và chị H vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nhưng giấy đăng ký kết hôn đã mất, Tòa án đã tiến hành xác M cùng các cấp chính quyền địa phương nơi cư trú của anh M và chị H cư trú trước đây và đang sinh sống xác nhận, theo sổ theo dõi hôn nhân gia đình từ các năm 1995 đến năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã TV, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa và Ủy ban nhân dân phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa không có trường hợp nào đăng ký kết hôn họ tên chồng là Nguyễn Văn M, họ tên Vợ là Nguyễn Thị H, anh M và chị H không suất trình tài liệu, chứng M được giữa hai bên đã đăng ký kết hôn. Như vậy, theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì giữa anh M và chị H sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng; Nay anh M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh M được ly hôn chị H, cần áp dụng các quy định này và quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để không công nhận anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh M và chị H đều thừa nhận có 02 con chung là là chị Nguyễn Thị V, sinh ngày 13/01/2004 và cháu Nguyễn Văn Đạt sinh ngày 03/10/2012; Anh M đã xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của chị V và cháu Đạt, có ghi họ tên mẹ là chị Nguyễn Thị H, họ tên bố là anh Nguyễn Văn M; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các chị V và cháu Đạt là con chung của chị H và anh M. Hiện tại chị V đã tự lập được và đi làm có thu nhập; Cháu Đạt có nguyện vọng ở với chị H; Xét nguyện vọng nuôi con của chị H là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đạt và cháu H, anh M cũng đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung là cháu Nguyễn Thị V và cháu Nguyễn Văn Đạt cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh M cấp dưỡng nuôi cháu Đạt cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị V sinh ngày 13/01/2004 và cháu Nguyễn Văn Đạt sinh ngày 03/10/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng;

Buộc anh Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn Đạt cùng chị Nguyễn Thị H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2021 cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi.

Anh M có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0005708 ngày 08/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa. Buộc anh Nguyễn Văn M phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh M, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt

